

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-ST
Ngày: 24-11- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25A/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Quang N (tên gọi khác: Trần Văn H, Trần Văn N, Nguyễn Văn L), sinh năm 1966; nơi sinh: Huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Không rõ ràng (theo tờ khai chứng minh nhân dân ngày 30/12/2011, sử dụng tên gọi Trần Văn H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ninh B, Ninh H, Khánh Hòa); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Y, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1931; vợ con chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 24/9/2008, bị TAND tỉnh Bình Định xử phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 16/8/2010 (sử dụng tên gọi Trần Quang N, bị cáo chưa chấp hành xong phần nghĩa vụ dân sự và nộp án phí). Nhân thân: Ngày 21/9/1991, bị TAND huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 05 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân (sử dụng tên gọi Trần Quang N). Ngày 16/12/1999, bị TAND thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 tháng 17 ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân (sử dụng tên gọi Nguyễn Văn L). Ngày 25/01/2013, bị TAND quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (sử dụng tên gọi Trần Văn H). Ngày 22/01/2021,

bị TAND thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (sử dụng tên gọi Trần Văn H). Từ tháng 7/2020 đến tháng 12/2020 sử dụng tên gọi Trần Văn H thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, bị cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Lạt ra Quyết định khởi tố bị can số 23/QĐ-CSHS ngày 28/12/2020. Bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù của bản án số 20/2021/HSST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định ngày 24/11/2021 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 729/GCN ngày 24/11/2021). Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1944; địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố D, phường X2, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 07/7/2017, Trần Quang N đến thị xã S, tỉnh Phú Yên để gặp người bạn nữ tên là T, khi đến khu vực cầu Tam Giang thì N gọi điện thoại cho T để đến đón N đi chơi, nhưng T không đồng ý đi chơi vì T cho rằng N không có tiền. Sau đó, N đi bộ đến khu vực trước nhà bà Trần Thị Th sinh năm 1944 trú Khu phố L, phường X, thị xã S thấy bà Th đang cho cháu ăn sáng thì lúc này N nảy sinh ý định lừa đảo lấy tiền của bà Th để có tiền đi chơi cùng T và tiêu xài. N đến ngồi tại khu vực ghế đá trước sân nhà bà Th và tiếp cận nói chuyện với bà Th. N đưa ra thông tin gian dối rằng N có mối quan hệ bà con với gia đình bà Th hiện N đang làm ăn kinh doanh ở TP. H về quê thăm và cho tiền bà Th thì bà Th tin là thật. Thấy bà Th già yếu và tin lời nói của N thì N hỏi mượn tiền của bà Th để cần đi giải quyết công việc rồi đến Ngân hàng rút tiền quay lại để trả cho bà Th nên bà Th đưa cho N mượn số tiền 400.000 đồng thì N nói cho mượn mấy triệu chứ 400.000 đồng không đủ nên bà Th đi đến tủ gỗ trong phòng ngủ lấy ra 01 cọc tiền với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, được chia thành 10 xấp, mỗi xấp là 1.000.000 đồng và buộc dây thun. Bà Th lấy ra 06 xấp tiền với số tiền là 6.000.000 đồng (gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng) đưa cho N. N lấy số tiền 6.000.000 đồng bỏ vào túi quần bên trái rồi bỏ đi. Trên đường đi, N gọi điện thoại cho T nói rằng đã có tiền để đi chơi cùng với T nên T chạy xe mô tô đến khu vực cầu

Tam Giang đón N. Tại đây, T lục túi quần của N lấy toàn bộ số tiền mà N vừa chiếm đoạt được của bà Th và nói với N là ăn tiêu để T lo và T đưa lại cho N số tiền 400.000 đồng để bỏ túi tiêu xài thì N đồng ý rồi T điều khiển xe mô tô chở N đi chơi. Sau đó bà Trần Thị Th báo cáo sự việc nêu trên cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Sông Cầu, qua xác minh làm việc thì Trần Quang N đã thừa nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Th để tiêu xài, chỉ còn lại số tiền 250.000 đồng N đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Sau đó, Trần Quang N đã bỏ trốn nên ngày 05/10/2017 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Sông Cầu đã ra Quyết định truy nã. Trong thời gian bỏ trốn bị can Trần Quang N đã sử dụng lấy tên khác là “Trần Văn H” nhằm mục đích để che giấu nhân thân lai lịch của mình và tiếp tục thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thị xã H, tỉnh Bình Định và thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, đến ngày 19/12/2020 Trần Quang N bị bắt theo Quyết định truy nã số 23 ngày 11/10/2018 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã H, tỉnh Bình Định về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thị xã Sông Cầu trung cầu giám định về đường vân để xác định nhân thân lai lịch tên Trần Văn N, Trần Văn H, Trần Quang N có phải là của cùng 01 người.

Tại các bản kết luận giám định số 274 ngày 30/8/2017, số 331 ngày 19/10/2017, số 73 ngày 19/3/2021 và số 82 ngày 31/3/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận nhân thân, lai lịch của bị can trong vụ án là Trần Quang N sinh năm 1966, quê quán thôn V, xã C, Huyện P, tỉnh Bình Định.

Vật chứng vụ án: Số tiền 250.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả cho người bị hại.

Trách nhiệm dân sự: Bị can Trần Quang Nchưa bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Thị Th.

Cáo trạng số 25/CT-VKSSC ngày 06/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu đã truy tố bị cáo Trần Quang N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo N khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Sau khi bị cơ quan cảnh sát điều tra làm việc, bị cáo đã giao nộp số tiền 250.000đ còn lại. Bị cáo đồng ý yêu cầu của bị hại bà Trần Thị Th, bồi thường số tiền còn thiếu cho bà Th là 5.750.000đ. Về nhân thân, bị cáo xác định bị cáo đã sử dụng các tên gọi “Trần Văn N”, “Trần Văn H” và “Nguyễn Văn L” để thực hiện các hành vi phạm tội từ trước đến nay như đã khai báo tại cơ quan điều tra.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo tại Cáo trạng số 25/CT-VKSSC ngày

06/6/2021, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Quang N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g, h khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Trần Quang N từ 12 – 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xét bị cáo N không có tài sản, không có công việc nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Th số tiền 5.750.000đ.

Đối với người phụ nữ có tên T là bạn của N có đặc điểm theo lời bị can Trần Quang N đã khai, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được người tên T có đặc điểm theo lời khai của N nên không đủ cơ sở xử lý.

Trong phần tranh luận: Bị cáo đồng ý với nội dung bản luận tội, không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Th và tất cả người làm chứng vắng mặt. Xét bà Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Th và những người làm chứng đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của bà Th và những người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] *Về tội danh và khung hình phạt; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; mức hình phạt cho bị cáo:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 05 giờ 15 phút ngày 07/7/2017 tại khu phố L,

phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, Trần Quang N có hành vi tự nhận có mối quan hệ bà con với bị hại Trần Thị Th, đưa ra thông tin gian dối rằng đang kinh doanh tại Thành phố H về quê thăm và cho tiền bà Th nhằm tạo niềm tin từ bà Th, sau đó hỏi mượn tiền bà Th, lừa đảo chiếm đoạt của bà Th số tiền 6.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Quang N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Do đó, truy tố tại cáo trạng số 25/CT-VKSSC ngày 06/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, từ năm 1991 đến nay, bị cáo dùng các tên gọi “Trần Văn H”, “Trần Văn N”, “Trần Quang N”, “Nguyễn Văn L” thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản của công dân trên địa bàn nhiều tỉnh thành trong cả nước với 05 lần bị Tòa án các tỉnh xử phạt về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; trong đó có bản án bị TAND tỉnh Bình Định xử phạt năm 2008 chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tái phạm thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị hại Trần Thị Th. Tại thời điểm bị hại Theo bị chiếm đoạt tài sản, bị hại Th 73 tuổi – thuộc diện người cao tuổi. Sau khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu đã có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Trần Quang N đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị hại Trần Thị Th, bị cáo N bỏ trốn và thực hiện hành vi phạm tội tại thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo N, cách ly bị cáo ra xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục. Tuy nhiên, khi lượng hình áp dụng đối với bị cáo cần xét đến điều kiện sức khỏe bị cáo vừa bị tai biến mạch máu não và quá trình phục hồi điều tra, truy tố, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Xét bị cáo N không có tài sản, không có công việc tạo thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Đối với vật chứng số tiền 250.000đ, Cơ quan CSĐT trao trả cho bị hại Trần Thị Th là đúng quy định nên không xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bà Th đã nhận lại số tiền 250.000đ do Cơ quan CSĐT trao trả, nay bà Th yêu cầu bị cáo N tiếp tục bồi thường số tiền 5.750.000đ còn thiếu là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Đối với người phụ nữ có tên T là bạn của N có đặc điểm theo lời bị can Trần Quang N đã khai, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được người tên T có đặc điểm theo lời khai của N nên không đủ cơ sở xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo N bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thảm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g, h khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Trần Quang N 12 (*Mười hai*) tháng tù.

Bắt, tạm giam bị cáo Trần Quang N 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày để đảm bảo thi hành án.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam theo quyết định bắt tạm, giam số 01/2021/HSST-QĐBTG ngày 24/11/2021. Hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Quang N bồi thường cho bà Trần Thị Th số tiền 5.750.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quang N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp Phú Yên;
- VKSND TX. Sông Cầu;
- VKSND tỉnh PY;
- CSĐT Công an TX. Sông Cầu;
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu;
- CQ THA HS TX. Sông Cầu;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên